

Số: 2480/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 05 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1414/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Bà Ng Th H Tr, sinh năm 1989

Thường trú: huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Tạm trú: phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông V Ng T, sinh năm 1991

Thường trú: quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2022, người yêu cầu đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th H Tr và ông V Ng T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 18, đăng ký ngày 01/4/2020, tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương).

- Về con chung: Bà Ng Th H Tr và ông V Ng T có 01 con chung tên V Kh A(Nữ), sinh ngày 05/01/2020.

Hai bên thống nhất thỏa thuận bà Ng Th H Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên V Kh A(nữ). Ông V Ng T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng, việc

cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng Th H Tr và ông V Ng T xác định không có.

- Về lệ phí: Bà Ng Th H Tr và ông V Ng T phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th H Tr và ông V Ng T thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Bà Ng Th H Tr và ông V Ng T có 01 con chung tên V Kh A(Nữ), sinh ngày 05/01/2020.

Hai bên thống nhất thỏa thuận bà Ng Th H Tr trực tiếp nuôi dưỡng tên V Kh A(Nữ). Ông V Ng T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bà Ng Th H Tr có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông V Ng T chưa thi hành, thì hàng tháng ông V Ng T còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm thực hiện tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo mức lãi suất các bên đã tự thỏa thuận là 10%/năm.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng Th H Tr và ông V Ng T xác định không có.

1.4 Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Ng Th H Tr và ông V Ng T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0027367 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ng Th H Tr và ông V Ng T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự thì hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Người yêu cầu;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nga